

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Trần Thị Yên Nhi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp Tân Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị Đơn: anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2025, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, Tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 25/7/2012. Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị không thật sự hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, xung đột. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn tình cảm và không còn yêu thương nhau. Nay để ổn định

cuộc sống riêng chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Duy T - sinh ngày 31/7/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hòa. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy T - sinh ngày 31/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu

- Về tài sản, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị H yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Tiên, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt mà không có lý do chính đáng; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: chị Hòa, anh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2012 tại UBND xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Phú Lâm, Tỉnh Đồng Nai). Vì vậy, hôn nhân giữa chị Hòa, anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị Hòa, anh T không thật sự hạnh phúc vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2017 cho đến nay, chị Hòa, anh T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: chị H, anh T có 01 con chung là Nguyễn Duy Tường - sinh ngày 31/7/2014. Từ khi vợ chồng chị Hòa, anh T không sống chung thì con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, con chung được đi học và sống trong môi trường đảm bảo các điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, ngoài ra cháu Tường có nguyện vọng sống chung với chị Hòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Duy Tường cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5.3] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T - sinh ngày 31/7/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0021096 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Trung (nay là xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai) (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 25/7/2012)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

